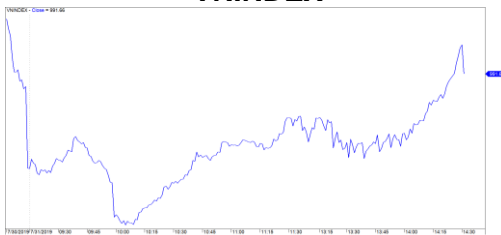


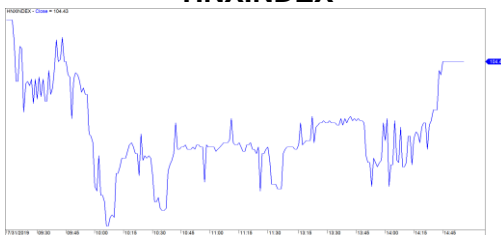
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.66	104.43	58.89
% ngày	0.57%	0.00%	0.79%
% tuần	0.33%	-1.89%	-0.57%
% tháng	4.39%	0.89%	5.82%
% năm	3.69%	-1.63%	16.66%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,870	425	384
TB 1 tuần	3,985	387	441
TB 1 tháng	3,745	398	333
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,632.02	13.93	74.41
Bán	1,624.52	4.28	34.41
Giá trị ròng	7.50	9.64	39.99
Độ rộng TT			
Mã Tăng	140	72	197
Mã Giảm	161	90	109
Không Đổi	88	205	586
Chỉ số chính			
P/E	16.84	9.36	19.24
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,334	188	1,014
LS Cổ tức	1.80%	3.00%	3.54%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường duy trì quán tính giảm đầu phiên nhưng lực bán dần chững lại sau đó. Sự trở lại của nhóm vốn hóa lớn trong phiên chiều đã giúp các chỉ số sàn HOSE đảo chiều tăng mạnh mẽ. VN-Index chốt phiên tăng 0.57% tạm dừng tại 991.66, chỉ số HNX-Index quay về tham chiếu dừng tại 104.43 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.78% neo tại 58.89 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,431 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Thị trường vẫn còn phân hóa về cuối phiên khi hệ số mã tăng/mã giảm cân bằng. Tuy nhiên, nhiều mã vốn hóa lớn lại có mức tăng khá tốt. Cụ thể, VHM lấy lại hoàn toàn mức giảm phiên liền trước khi tăng 5% dừng tại 88,200 đồng/cp. HPG cũng gây chú ý khi tăng 4.9% với thanh khoản hơn 6,5 triệu cổ phiếu và đồ thị giá có dấu hiệu được hỗ trợ bởi ngưỡng 21,000. Ngoài ra, VRE(3.1%), MWG(3%), FPT(1.3%) cũng có mức tăng khá tích cực trong rổ VN30. Nhóm Bất động sản, Xây Dựng (IJC, HBC, HDG, LDG, VRE, KDH, CEO, NDN) hồi phục tốt. Ở chiều ngược lại, nhóm May mặc vẫn chưa có dấu hiệu cầm máu khi TCM, TNG vẫn còn giảm khá.

Sau phiên bán ròng liền trước, khối ngoại quay trở lại mua ròng với giá trị hơn 57 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, HPG(55 tỷ), VRE(30 tỷ), VHM(28 tỷ) là các mã được mua ròng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, VNM(44 tỷ), CTD(33.6 tỷ), VJC(15.5 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ sideways trong vùng giá 980 – 990 điểm trong vài phiên tới. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư cải thiện tích cực hơn, nhưng xu hướng chủ đạo vẫn còn bi quan với thị trường. Đồ thị giá của các chỉ số chính có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy cho thấy trạng thái đi ngang có thể sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là ưu cơ cấu danh mục để hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 979.61 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 107.70 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên cơ cấu lại danh mục và hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

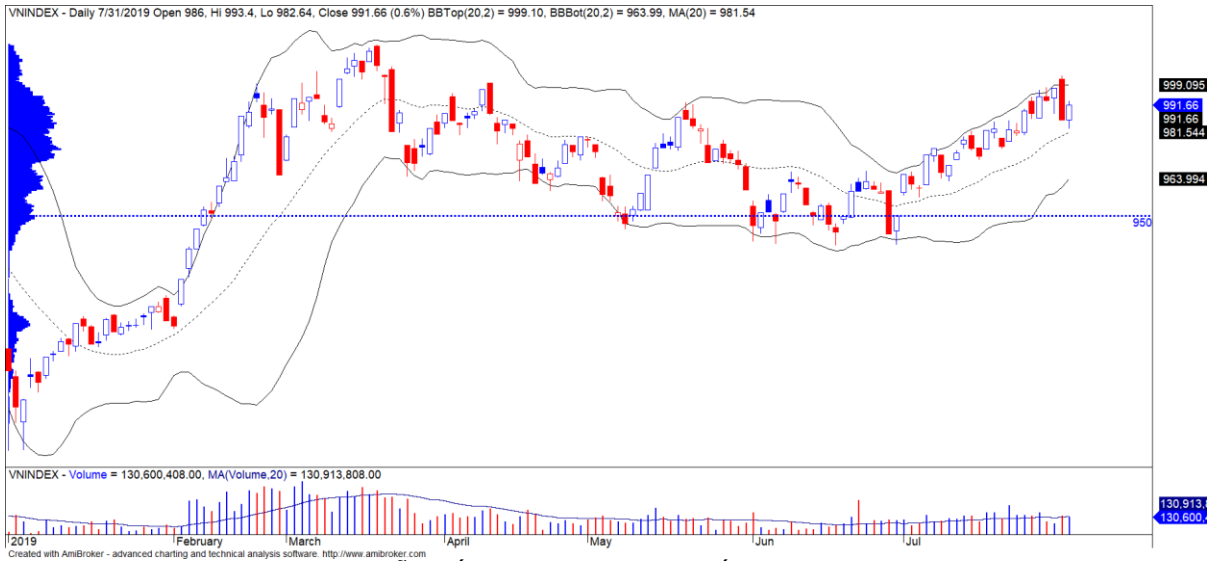
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.90	GIẢM	TĂNG		19.17			16.85	17.01	6.23%	
ACB	22.80	GIẢM	GIẢM		24.20				24.18		
ACV	83.20	GIẢM	TĂNG		85.28			90.00	81.77	-7.56%	
ANV	26.15	GIẢM	GIẢM		27.52				30.56		
ASM	6.45	GIẢM	GIẢM		6.95				7.66		
BFC	16.35	GIẢM	GIẢM		17.19				20.36		
BID	35.50	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	8.73%		33.40	31.23	6.29%	
BMP	48.50	GIẢM	TĂNG		51.22			48.30	44.48	0.41%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.64				13.56		
BVH	84.00	GIẢM	GIẢM		87.73			85.40	85.11	-0.34%	MUA
BWE	26.00	GIẢM	TĂNG		27.56			20.00	25.45	30.00%	
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	21.90	GIẢM	GIẢM		22.57				23.79		
CMG	37.90	GIẢM	TĂNG	37.80	38.99	3.16%	BÁN	23.20	32.35	63.36%	
CMX	26.95	TĂNG	TĂNG	23.75	25.14	13.47%		5.91	21.62	356.01%	
CSM	14.70	GIẢM	TĂNG		15.06			14.39	14.22	2.15%	
CTD	113.00	TĂNG	TĂNG	102.00	107.20	10.78%		112.70	112.01	0.27%	MUA
CTG	20.75	GIẢM	GIẢM		21.71				22.80		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		23.32				24.90		
CTR	44.20	TĂNG	N/A	28.80	38.68	53.47%		-	3.70		
CVT	19.60	GIẢM	TĂNG		20.61			20.35	18.32	-3.69%	
DCM	8.32	TĂNG	GIẢM	8.50	8.25	-2.12%			8.60		
DGC	32.00	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	2.24%		31.90	31.31	0.31%	MUA
DGW	22.40	GIẢM	TĂNG		23.74			23.50	21.23	-4.68%	
DHA	36.10	TĂNG	TĂNG	32.25	34.73	11.94%		29.10	32.44	24.05%	
DHC	36.00	TĂNG	TĂNG	36.00	35.97	0.00%	MUA	35.20	33.00	2.27%	
DHG	99.00	GIẢM	GIẢM		104.17				113.13		
DIG	13.15	GIẢM	GIẢM	14.10	13.30	-5.70%	BÁN		14.54		
DPG	43.85	TĂNG	TĂNG	39.40	41.23	11.29%		40.02	34.78	9.58%	
DPM	14.40	GIẢM	GIẢM		15.25				17.10		
DPR	42.70	GIẢM	TĂNG		44.48			42.50	40.21	0.47%	
DQC	18.50	GIẢM	GIẢM		19.77				20.27		
DRC	19.85	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	17.35	GIẢM	GIẢM		18.83				20.75		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	22.11%	



We Create Fortune

FCN	13.45	GIẢM	TĂNG		14.03			16.05	13.18	-16.20%	
FMC	30.00	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.63%			30.62		
FPT	48.40	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.08%		46.00	44.31	5.22%	
GAS	109.10	TĂNG	GIẢM	108.90	106.14	0.18%			113.06		
GEX	22.55	TĂNG	GIẢM	22.20	21.71	1.58%			23.15		
GIL	24.80	GIẢM	GIẢM		25.73				29.00		
GMD	26.10	GIẢM	GIẢM		27.26				27.99		
GTN	18.05	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	20.33%	
GVR	14.90	TĂNG	GIẢM	13.50	13.92	10.37%			N/A		
HAG	5.08	GIẢM	GIẢM		5.37				5.62		
HAX	18.20	GIẢM	TĂNG		19.60			15.75	17.24	15.56%	
HBC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.67				17.06		
HCM	21.35	GIẢM	GIẢM		22.65				26.60		
HDB	25.95	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.98%			28.59		
HDC	15.95	TĂNG	TĂNG	15.25	15.47	4.59%		15.25	13.47	4.59%	
HDG	36.45	TĂNG	TĂNG	32.70	34.82	11.47%		35.30	31.65	3.26%	
HNG	17.95	GIẢM	TĂNG		18.65			17.10	16.59	4.97%	
HPG	22.55	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HSG	7.34	GIẢM	TĂNG		7.58			9.30	7.01	-21.08%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.76%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	41.65	GIẢM	TĂNG		43.53			39.00	38.75	6.79%	
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		15.58			15.35	13.75	-3.91%	
KDH	22.20	GIẢM	GIẢM		22.57				24.14		
KSB	20.05	GIẢM	GIẢM		21.83				24.86		
LCG	9.80	GIẢM	GIẢM		10.50				11.44		
LDG	7.90	GIẢM	GIẢM		8.22				9.57		
LHG	17.55	GIẢM	TĂNG		18.60			19.30	17.32	-9.07%	
LPB	8.20	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-2.38%			8.51		
LSS	5.20	GIẢM	GIẢM		5.40				5.84		
MBB	22.20	GIẢM	TĂNG		23.00			21.85	20.15	1.60%	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
MSN	80.00	TĂNG	GIẢM	80.70	77.22	-0.87%			86.73		
MSR	16.70	GIẢM	GIẢM		18.24				20.71		
MWG	106.80	GIẢM	TĂNG		109.97			88.70	94.10	20.41%	
NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	22.70%		13.70	14.71	26.28%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.31				7.08		
NLG	30.35	TĂNG	TĂNG	29.90	29.27	1.51%		28.70	27.83	5.75%	
NT2	25.50	GIẢM	GIẢM		26.10				28.54		



We Create Fortune

NTL	25.35	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.46%		10.45	22.09	142.58%	
NVL	57.70	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.63				12.68		
PAC	32.00	GIẢM	GIẢM		33.55				37.32		
PC1	16.65	GIẢM	GIẢM		18.05				20.15		
PDR	26.60	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	10.37%		29.00	24.63	-8.28%	
PHR	69.60	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	13.73%		24.00	55.08	190.00%	
PLX	65.50	TĂNG	TĂNG	64.20	64.21	2.02%		62.40	58.93	4.97%	
PNJ	76.80	TĂNG	TĂNG	77.00	75.10	-0.26%		104.00	72.08	-26.15%	
POW	14.10	GIẢM	TĂNG		14.56			15.70	13.92	-10.19%	
PVT	18.30	TĂNG	TĂNG	17.45	16.68	4.87%			17.62		
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		27.94			19.70	27.86	41.43%	BÁN
PTB	65.50	GIẢM	TĂNG		69.19			64.00	64.57	2.34%	
PVB	20.60	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	1.98%		20.10	16.91	2.49%	
PVD	16.85	GIẢM	GIẢM		17.25			18.50	17.78	-3.88%	
PVI	36.00	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVS	22.40	GIẢM	TĂNG		23.35			21.10	21.47	6.16%	
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.43	5.09%		4.85	4.61	23.51%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.51	-7.10%		33.80	27.71	-7.10%	
REE	32.75	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-1.73%	
SAB	279.00	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	13.88%	
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG	8.25	8.07	-2.14%	BÁN	7.40	7.69	8.11%	
SCR	7.00	GIẢM	GIẢM		7.18				7.55		
SHI	8.70	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.69%		6.99	7.45	24.46%	
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM		18.24			-	19.93		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.13				12.61		
SSI	23.20	GIẢM	GIẢM		24.75				26.98		
STB	10.70	GIẢM	GIẢM		11.33				12.32		
TCB	20.55	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-3.97%			22.88		
TCM	25.00	GIẢM	GIẢM		26.75				30.59		
TDH	9.16	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.52	GIẢM	GIẢM		4.88			5.39	4.80	-11.00%	
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		21.01			12.00	18.79	56.57%	
VCB	80.20	TĂNG	TĂNG	69.20	77.90	15.90%		62.00	69.83	29.35%	
VCG	26.20	GIẢM	TĂNG		27.04			19.20	24.08	36.46%	
VCS	76.40	GIẢM	TĂNG		80.17			68.00	67.43	12.35%	
VGC	19.35	GIẢM	GIẢM		20.23				20.64		
VGT	9.30	GIẢM	GIẢM		10.11				11.62		
VHC	88.90	GIẢM	GIẢM		90.59				95.80		

We Create Fortune

VHM	88.20	GIẢM	TĂNG		90.75				87.75		
VIB	18.70	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	10.00%		17.70	16.35	5.65%	
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	119.80	119.27	1.84%		112.00	108.25	8.93%	
VIP	4.93	GIẢM	GIẢM		5.40				5.95		
VJC	133.40	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	8.19%		124.50	120.97	7.15%	
VND	14.80	GIẢM	GIẢM		15.33				16.69		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91			21.50	20.58	-4.29%	BÁN
VNM	123.20	GIẢM	GIẢM	126.90	123.30	-2.84%	BÁN		133.60		
VPB	18.55	GIẢM	GIẢM		19.31				19.82		
VPI	42.40	TĂNG	GIẢM	42.20	40.72	0.47%			42.86		
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.29				16.99		
VRE	36.95	GIẢM	TĂNG		37.85			35.00	32.81	5.57%	
VSC	27.95	GIẢM	GIẢM		30.73				34.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.80	GIẢM	GIẢM		24.20				24.18		
BID	35.50	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	8.73%		33.40	31.23	6.29%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.64				13.56		
BVH	84.00	GIẢM	GIẢM		87.73			85.40	85.11	-0.34%	MUA
CTG	20.75	GIẢM	GIẢM		21.71				22.80		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	22.11%	
FPT	48.40	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.08%		41.00	44.31	18.06%	
GAS	109.10	TĂNG	GIẢM	108.90	106.14	0.18%			113.06		
HDB	25.95	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.98%			28.59		
HNG	17.95	GIẢM	TĂNG		18.65			17.10	16.59	4.97%	
HPG	22.55	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HVN	41.65	GIẢM	TĂNG		43.53			39.00	38.75	6.79%	
KDH	22.20	GIẢM	GIẢM		22.57				24.14		
MBB	22.20	GIẢM	TĂNG		23.00			21.27	20.15	4.37%	
MSN	80.00	TĂNG	GIẢM	80.70	77.22	-0.87%			86.73		
MWG	106.80	GIẢM	TĂNG		109.97			88.70	94.10	20.41%	
NVL	57.70	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.63				12.68		
PLX	65.50	TĂNG	N/A	64.20	64.21	2.02%		62.40	58.93	4.97%	
PNJ	76.80	TĂNG	TĂNG	77.00	75.10	-0.26%		77.88	72.08	-1.39%	

We Create Fortune

POW	14.10	GIẢM	TĂNG		14.56			15.70	13.92	-10.19%	
PVS	22.40	GIẢM	TĂNG		23.35			21.10	21.47	6.16%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.51	-7.10%		33.80	27.71	-7.10%	
REE	32.75	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-1.73%	
ROS	27.15	GIẢM	GIẢM		28.76			34.80	27.33	-21.48%	
SSI	23.20	GIẢM	GIẢM		24.75				26.98		
STB	10.70	GIẢM	GIẢM		11.33				12.32		
TCB	20.55	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-3.97%			22.88		
TPB	22.80	GIẢM	GIẢM		23.42				N/A		
VCB	80.20	TĂNG	TĂNG	69.20	77.90	15.90%		62.00	69.83	29.35%	
VCG	26.20	GIẢM	TĂNG		27.04			18.44	24.08	42.07%	
VEA	61.00	GIẢM	GIẢM		63.92				N/A		
VGI	29.90	TĂNG	GIẢM	29.50	28.73	1.36%			N/A		
VHM	88.20	GIẢM	TĂNG		90.75				87.75		
VIB	18.70	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	10.00%		17.70	16.35	5.65%	
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	119.80	119.27	1.84%		112.00	108.25	8.93%	
VJC	133.40	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	8.19%		124.50	120.97	7.15%	
VNM	123.20	GIẢM	GIẢM	126.90	123.30	-2.84%	BÁN		133.60		
VPB	18.55	GIẢM	GIẢM		19.31				19.82		
VRE	36.95	GIẢM	TĂNG		37.85			34.00	32.81	8.69%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.90	GIẢM	TĂNG		19.17			16.85	17.01	6.23%	
ANV	26.15	GIẢM	GIẢM		27.52				30.56		
ASM	6.45	GIẢM	GIẢM		6.95				7.66		
BMP	48.50	GIẢM	TĂNG		51.22			48.30	44.48	0.41%	
BWE	26.00	GIẢM	TĂNG		27.56			19.44	25.45	33.74%	
C4G	8.30	TĂNG	#N/A	8.70	8.18	-4.60%		-	#N/A		
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	21.90	GIẢM	GIẢM		22.57				23.79		
CRE	25.20	TĂNG	#N/A	25.55	24.88	-1.37%		-	#N/A		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		23.32				24.90		
CTR	44.20	TĂNG	#N/A	28.80	38.68	53.47%		-	#N/A		
DCM	8.32	TĂNG	GIẢM	8.50	8.25	-2.12%			8.60		
DHC	36.00	TĂNG	TĂNG	36.00	35.97	0.00%	MUA	35.20	33.00	2.27%	

We Create **Fortune**

DIG	13.15	GIẢM	GIẢM	14.10	13.30	-5.70%	BÁN		14.54		
DPM	14.40	GIẢM	GIẢM		15.25				17.10		
DRC	19.85	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	17.35	GIẢM	GIẢM		18.83				20.75		
E1VFN30	14.71	TĂNG	GIẢM	14.59	14.49	0.82%			15.16		
FCN	13.45	GIẢM	TĂNG		14.03			16.05	13.18	-16.20%	
FLC	4.03	GIẢM	GIẢM		4.25				4.63		
FTM	24.15	GIẢM	TĂNG		24.94			16.25	22.18	48.62%	
GEG	26.90	TĂNG	TĂNG	22.80	24.36	17.98%		12.90	20.50	108.53%	
GEX	22.55	TĂNG	GIẢM	22.20	21.71	1.58%			23.15		
GMD	26.10	GIẢM	GIẢM		27.26				27.99		
GTN	18.05	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	20.33%	
GVR	14.90	TĂNG	#N/A	13.50	13.92	10.37%		-	#N/A		
HAG	5.08	GIẢM	GIẢM		5.37				5.62		
HBC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.67				17.06		
HCM	21.35	GIẢM	GIẢM		22.65				26.60		
HDG	36.45	TĂNG	TĂNG	32.70	34.82	11.47%		35.30	31.65	3.26%	
HPX	26.45	TĂNG	#N/A	26.60	25.86	-0.56%		-	#N/A		
HSG	7.34	GIẢM	TĂNG		7.58			8.45	7.01	-13.16%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.76%	
IBC	21.25	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.67%		24.90	20.15	-14.66%	
IDI	6.66	GIẢM	GIẢM		7.25				8.29		
IJC	12.05	TĂNG	TĂNG	11.35	10.94	6.17%			11.50		
ITA	3.05	GIẢM	TĂNG		3.15			3.20	2.83	-4.69%	
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		15.58			15.35	13.75	-3.91%	
KSB	20.05	GIẢM	GIẢM		21.83				24.86		
LDG	7.90	GIẢM	GIẢM		8.22				9.57		
LPB	8.20	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-2.38%			8.51		
MBS	15.70	TĂNG	#N/A	16.10	15.37	-2.48%		16.00	#N/A	#N/A	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
NBB	21.55	GIẢM	TĂNG		22.71			21.50	19.30	0.23%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.31				7.08		
NLG	30.35	TĂNG	TĂNG	29.90	29.27	1.51%		28.70	27.83	5.75%	
NT2	25.50	GIẢM	GIẢM		26.10				28.54		
NTC	192.90	TĂNG	#N/A	144.00	180.63	33.96%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.35	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.46%		9.33	22.09	171.67%	
NVB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.17				9.00		
OGC	3.95	GIẢM	GIẢM		4.15				4.74		

We Create Fortune

PC1	16.65	GIẢM	GIẢM		18.05			20.15		
PDR	26.60	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	10.37%		23.60	24.63	12.74%
PHR	69.60	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	13.73%		22.86	55.08	204.40%
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		27.94			17.42	27.86	59.93%
PTB	65.50	GIẢM	TĂNG		69.19			60.78	64.57	7.77%
PVD	16.85	GIẢM	GIẢM		17.25			18.50	17.78	-3.88%
PVI	36.00	GIẢM	GIẢM		37.62			39.70		
PVT	18.30	TĂNG	TĂNG	17.45	16.68	4.87%		17.62		
QCG	4.50	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-2.60%		5.32		
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG	8.25	8.07	-2.14%	BÁN	7.40	7.69	8.11%
SBT	16.65	GIẢM	GIẢM		16.66			18.08		
SCR	7.00	GIẢM	GIẢM		7.18			7.55		
SHB	6.60	GIẢM	GIẢM		7.04			7.42		
SHS	9.00	GIẢM	GIẢM		9.49			12.10	9.22	-23.84%
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM		18.24			19.93		
STK	21.90	GIẢM	TĂNG		23.51			17.00	21.12	28.82%
SZC	22.80	TĂNG	#N/A	20.45	21.48	11.49%		-	#N/A	
TCH	22.85	TĂNG	TĂNG	22.05	20.94	3.63%		22.45		
TCM	25.00	GIẢM	GIẢM		26.75			30.59		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		21.01			12.00	18.79	56.57%
TTB	24.85	TĂNG	TĂNG	22.60	23.52	9.96%		24.16		
VCI	33.60	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.02%		35.72		
VGT	9.30	GIẢM	GIẢM		10.11			11.62		
VHC	88.90	GIẢM	GIẢM		90.59			95.80		
VND	14.80	GIẢM	GIẢM		15.33			16.69		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91			21.50	20.58	-4.29%
VPI	42.40	TĂNG	GIẢM	42.20	40.72	0.47%		42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.20	TĂNG	#N/A	9.40	9.49	8.51%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.23	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	6.02%	
AMD	1.73	GIẢM	GIẢM		1.87			2.08			
APG	9.10	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	7.06%		9.90	7.90	-8.08%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.55			3.00			
BCC	8.10	GIẢM	TĂNG		8.89			7.70	7.70	5.19%	



We Create Fortune

BCG	5.82	TĂNG	TĂNG	5.82	5.76	0.00%	MUA	6.39	5.41	-8.92%	
C69	20.80	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	136.36%		5.30	13.87	292.45%	
CCL	6.59	TĂNG	TĂNG	6.38	6.44	3.29%		3.46	4.94	90.46%	
CRC	16.60	TĂNG	GIẢM	15.05	15.86	10.30%			17.35		
CVT	19.60	GIẢM	TĂNG		20.61			20.35	18.32	-3.69%	
DAG	6.85	TĂNG	GIẢM	6.55	6.71	4.58%		7.09	7.01	-1.17%	MUA
DAH	13.15	GIẢM	TĂNG		14.08			4.66	11.21	181.94%	
DGW	22.40	GIẢM	TĂNG	21.85	23.74	8.66%	BÁN	23.50	21.23	-4.68%	
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.52	GIẢM	GIẢM		7.04				7.76		
DTD	13.70	GIẢM	TĂNG	15.00	14.37	-4.23%	BÁN	12.90	11.85	6.20%	
EVG	2.83	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	-1.39%			3.02		
FIT	3.33	GIẢM	TĂNG		3.56			3.64	3.03	-8.52%	
GKM	14.80	GIẢM	GIẢM		15.41			11.42	14.95	30.87%	
HAH	13.05	TĂNG	TĂNG	12.80	12.96	1.95%		13.00	11.87	0.38%	
HAI	1.80	GIẢM	GIẢM	1.87	1.80	-3.60%	BÁN		1.93		
HAP	3.45	GIẢM	TĂNG		3.63			3.67	3.25	-5.99%	
HAR	3.32	GIẢM	GIẢM		3.61			3.71	3.65	-1.56%	BÁN
HCD	3.84	GIẢM	GIẢM	3.79	4.21	11.17%	BÁN		4.34		
HDA	12.60	TĂNG	TĂNG	10.50	11.60	20.00%		11.30	10.56	11.50%	
HDC	15.95	TĂNG	TĂNG	15.25	15.47	4.59%		15.25	13.47	4.59%	
HHP	12.90	GIẢM	#N/A		14.59			-	#N/A		
HHS	3.27	GIẢM	GIẢM		3.38				3.69		
HII	11.80	TĂNG	GIẢM	11.80	11.51	0.00%	MUA		13.03		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.75	GIẢM	GIẢM		7.84				9.64		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	2.97	GIẢM	GIẢM		3.28				4.67		
HVH	25.85	GIẢM	#N/A		26.68			-	#N/A		
JVC	2.73	GIẢM	GIẢM		2.93				3.22		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.57				1.79		
KMR	2.80	GIẢM	TĂNG		2.93			3.68	2.65	-23.91%	
LCG	9.80	GIẢM	GIẢM		10.50				11.44		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	41.99%	
LHG	17.55	GIẢM	TĂNG		18.60			19.30	17.32	-9.07%	
LMH	16.75	GIẢM	#N/A		17.50			-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.70				3.59		
NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	22.70%		13.10	14.71	32.02%	
PHC	12.60	GIẢM	GIẢM		12.92				14.07		



We Create Fortune

PVB	20.60	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	1.98%		20.10	16.91	2.49%	
PVC	7.70	GIẢM	TĂNG		7.95			7.10	6.67	8.45%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.89				7.13		
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.43	5.09%		4.85	4.61	23.51%	
QBS	2.90	GIẢM	GIẢM		3.36				3.36		
SFG	9.60	GIẢM	GIẢM		10.79				13.67		
SHI	8.70	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.69%		6.23	7.45	39.59%	
SJF	2.94	GIẢM	GIẢM		3.44				3.88		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.13				12.61		
TDH	9.16	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.20	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	0.00%	
TLD	5.40	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.52	GIẢM	GIẢM		4.88			5.85	4.80	-18.00%	
TNI	11.20	TĂNG	GIẢM	11.10	10.66	0.90%			11.98		
TTF	3.06	GIẢM	TĂNG		3.28			3.99	3.03	-23.31%	
TTH	3.70	GIẢM	GIẢM		4.08				4.60		
TVB	20.55	TĂNG	TĂNG	17.40	18.93	18.10%		20.10	19.27	2.24%	MUA
TVC	14.50	TĂNG	TĂNG	12.50	13.53	16.00%		14.30	13.71	1.40%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.24			22.00	21.35	3.18%	
VCR	19.60	TĂNG	GIẢM	19.60	19.03	0.00%	MUA		28.96		
VNE	3.66	GIẢM	GIẢM		3.98				4.56		
VPG	20.60	GIẢM	TĂNG		21.66			20.46	19.34	0.71%	
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.29				16.99		
YBM	10.80	GIẢM	GIẢM	10.95	11.31	3.28%	BÁN		12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	991.66	0.57%
VN30	883.19	0.60%
VN Mid	957.15	0.16%
VN Small	807.64	-0.12%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.43	0.00%
HN30	191.58	0.53%
VNX AllSh	860.27	0.65%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.89	0.79%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1632.02	
Bán	1624.52	
GT rỗng	7.5	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.93	
Bán	4.28	
GT rỗng	9.64	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	74.41	
Bán	34.41	
GT rỗng	39.99	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IJC	750	6.64%
PVT	1100	6.40%
TRC	2000	6.19%
VHM	4200	5.00%
SMB	1900	4.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	1700	9.50%
VCS	2300	3.10%
NDN	500	2.98%
L14	1500	2.75%
SHS	200	2.27%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MNB	4500	15.00%
SIP	13700	14.99%
CTR	1000	2.31%
VEA	1100	1.84%
BCM	500	1.82%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CMG	-2800	-6.88%
CTF	-1450	-6.64%
SZL	-2600	-4.74%
YEG	-2900	-4.65%
IDI	-290	-4.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-100	-4.17%
BCC	-200	-2.41%
TNG	-400	-2.12%
NVB	-100	-1.27%
TAR	-200	-0.66%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	-9800	-13.10%
MPC	-1000	-2.75%
VG T	-200	-2.11%
VGI	-600	-1.97%
BSR	-100	-0.91%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	409,877	
VCB	298,936	
VHM	281,359	
VNM	215,060	
GAS	208,621	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,128	
VCS	11,619	
VCG	11,440	
PVS	10,563	
PVI	8,274	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,674	
VGI	92,751	
VEA	79,538	
GVR	59,532	
MCH	56,946	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VNM	10,229,950	1,591,707
ROS	9,500,720	13,139,617
FLC	8,032,800	3,645,081
VRE	7,393,330	2,686,789
HPG	6,538,340	6,686,058

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	12,093,717	4,425,179
CEO	3,739,086	1,426,842
PVS	2,196,958	3,043,727
NVB	2,138,400	922,840
NDN	952,136	987,962

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BAB	2,305,100	244,435
GVR	2,187,131	1,469,936
BSR	1,546,210	1,273,251
MNB	770,100	79,741
VEA	649,978	504,911

Nguồn: Bloomberg & YSVN

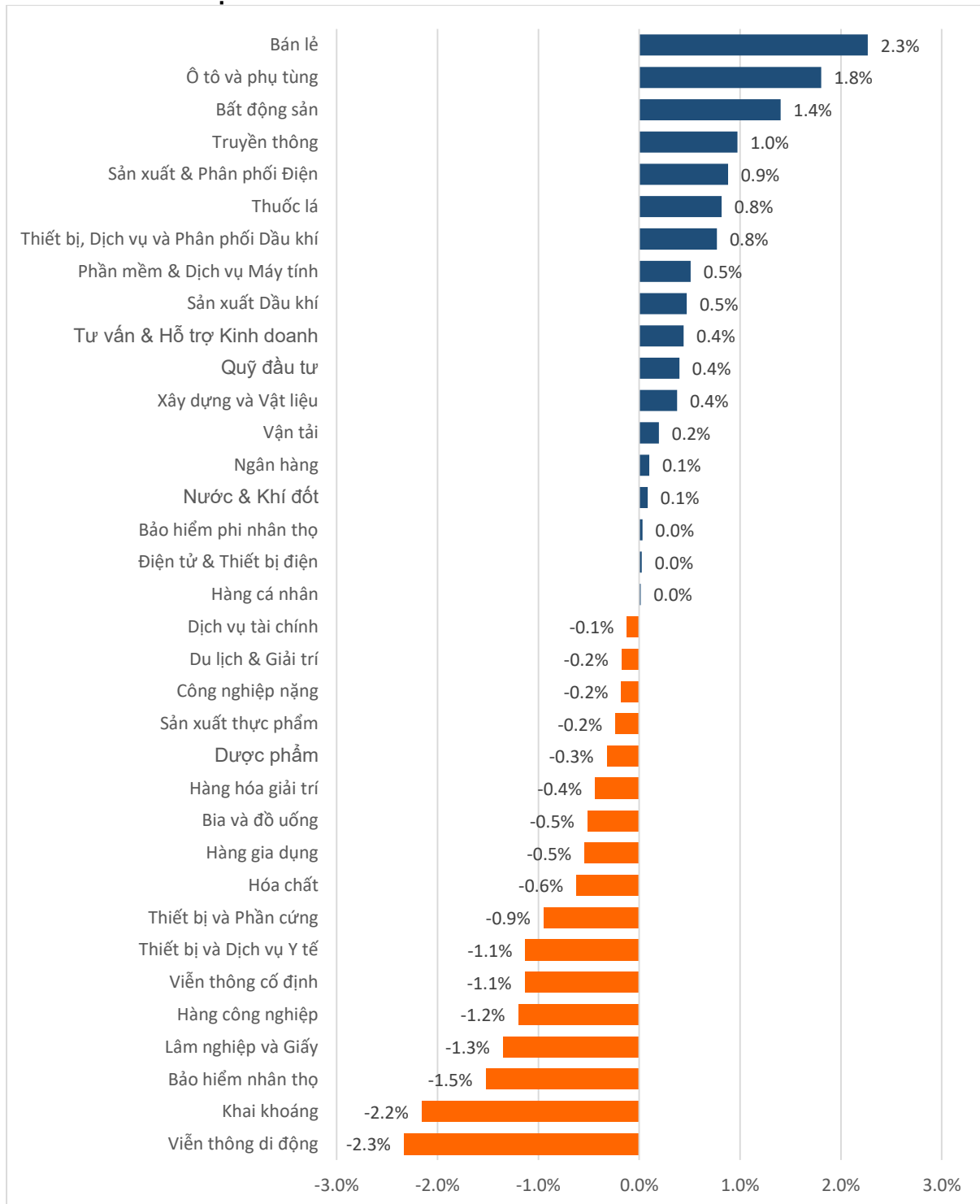
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



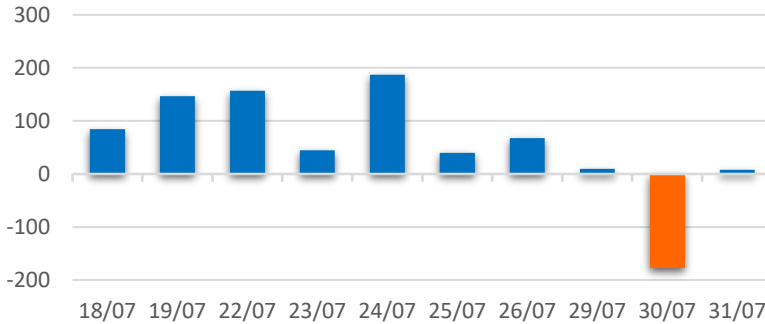
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

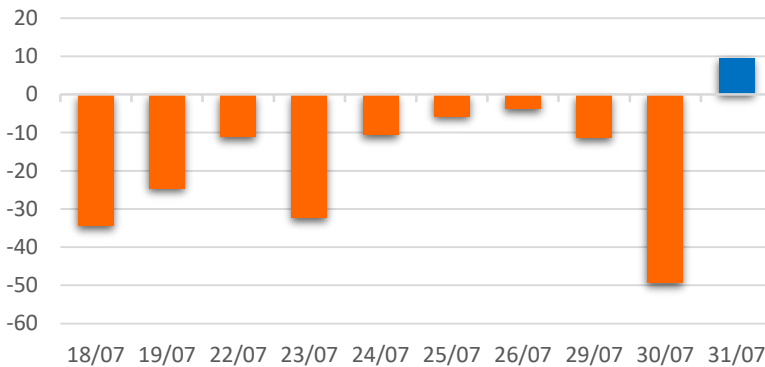
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	55,407	VNM	43,794
VRE	30,478	CTD	33,670
VHM	28,370	VJC	15,592
PLX	21,704	NVL	14,383
MSN	6,066	VCB	13,056

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

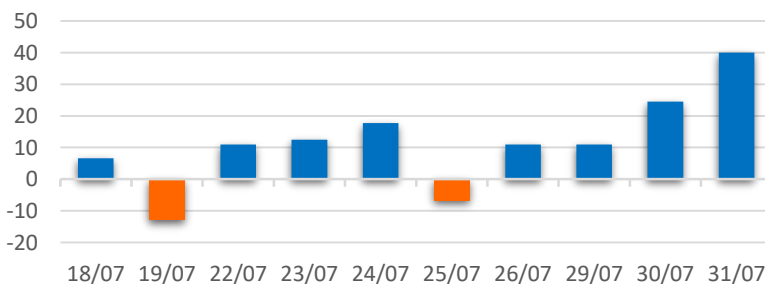
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	5,206	TNG	317
SHB	3,928	DGC	287
NET	548	MAS	285
DHT	257	PTI	130
IDV	228	VNR	102

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GVR	14,839	CTR	1,157
VEA	10,772	VTP	450
QNS	9,660	SAS	257
BSR	2,143	VGI	199
VGG	2,112	ACV	160

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



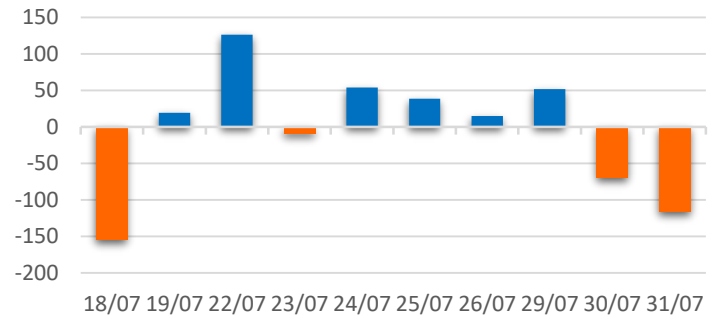
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

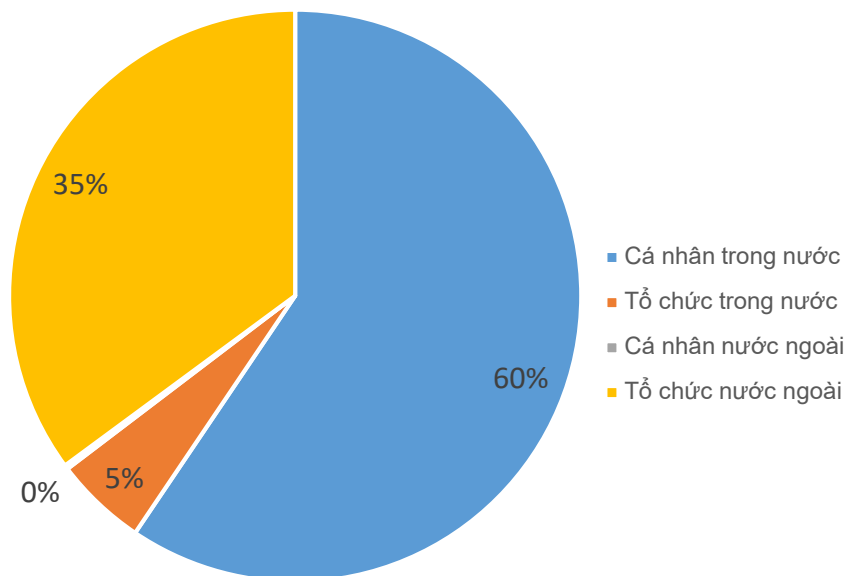
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HNG	5,491	TPB	108,898
E1VFN30	4,940	DIG	6,838
VHM	4,086	HPG	4,473
EIB	3,255	KDH	4,388
MWG	2,892	FPT	2,097

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

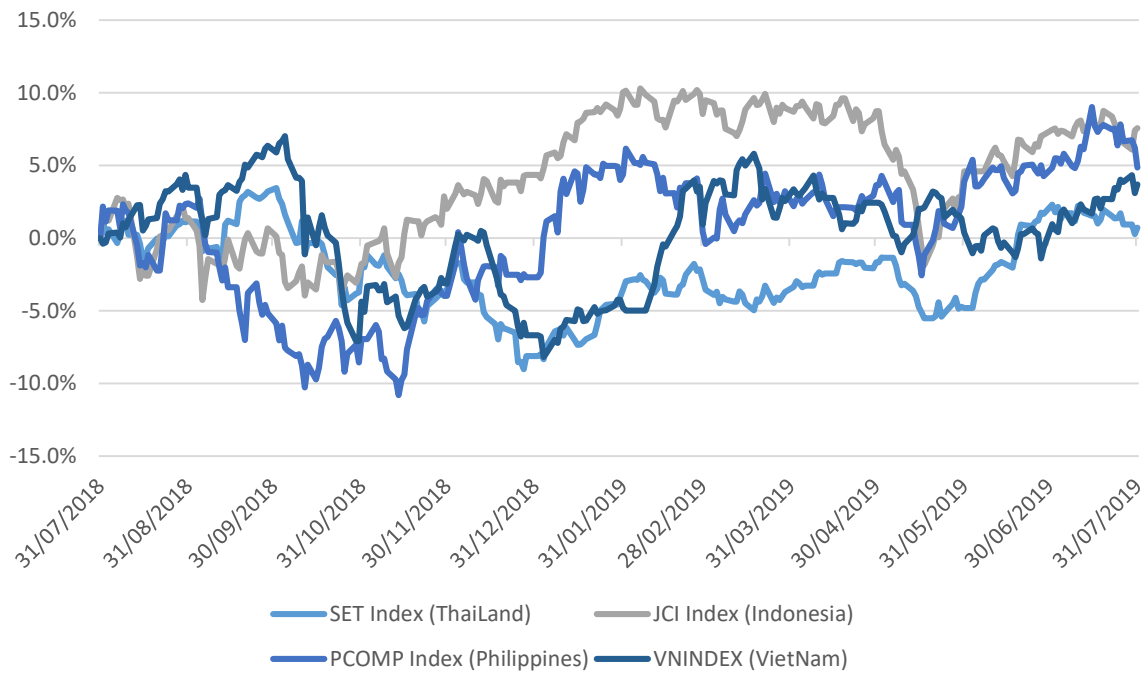


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

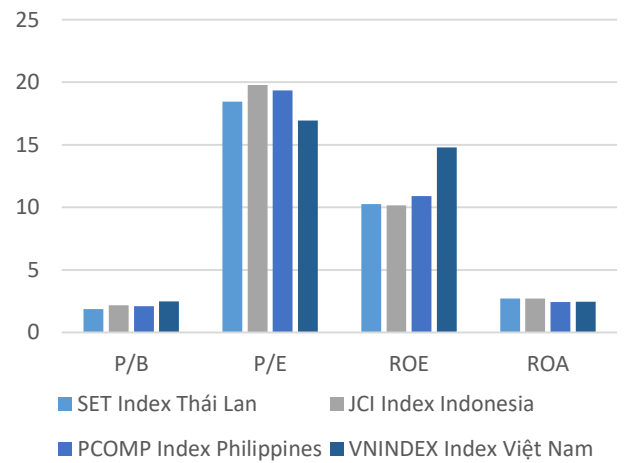
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.4x	19.8x	19.3x	16.9x
ROE	%	10.25	10.16	10.89	14.79
ROA	%	2.72	2.72	2.44	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	569.89	523.31	200.80	143.44
GTGD	Triệu USD	1.50	0.48	0.10	0.13
LS cổ tức	%	3.03	2.44	1.64	1.71

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written